

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Số: 4152/SLĐTĐBXH-LĐ

Về báo cáo quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 và quỹ tiền
lương kế hoạch, tạm ứng tiền lương năm 2015

Kính gửi: - Các Tổng công ty, công ty - TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Quỹ Phát triển nhà ở;
- Kiểm soát viên tại các Tổng công ty, công ty; Trưởng Ban kiểm soát Quỹ Bảo lãnh tín dụng, Quỹ Phát triển nhà ở.

Căn cứ Nghị định số 50/2013/NĐ-CP, Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ, được hướng dẫn bởi Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 3312/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định cơ chế phối hợp giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân Thành phố làm chủ sở hữu, Quỹ Phát triển nhà ở, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn báo cáo quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 và quỹ tiền lương kế hoạch, tạm ứng tiền lương năm 2015 đối với các Tổng công ty, công ty - TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quỹ phát triển nhà ở (sau đây gọi tắt là công ty TNHH một thành viên) như sau:

1. Báo cáo quỹ tiền lương thực hiện năm 2014:

Căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh, số lao động thực tế sử dụng bình quân năm 2014, công ty TNHH một thành viên xác định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động (NLĐ), quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của viên chức quản lý (VCQL) năm 2014 theo năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh theo hướng dẫn của Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

a) Hồ sơ báo cáo quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 gồm có:

- Công văn của công ty về báo cáo quỹ tiền lương thực hiện năm 2014;
- Quyết định hoặc Nghị quyết của Hội đồng thành viên về 02 nội dung: (i) quyết định quỹ tiền lương thực hiện của NLĐ; (ii) thông qua phương án quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của VCQL để trình chủ sở hữu phê duyệt;
- Bản sao Kế hoạch tài chính năm 2014 (kể cả kế hoạch tài chính điều chỉnh) do chủ sở hữu

phê duyệt;

- Bản sao Bảng đối chiếu nộp bảo hiểm xã hội của 4 Quý trong năm 2014;
- Bản sao Quyết định xếp hạng doanh nghiệp (lần gần nhất);
- Báo cáo tình hình sử dụng lao động năm 2014 theo Biểu số 1-TH2014, Biểu số 2-TH2014;
- Báo cáo quỹ tiền lương thực hiện của NLĐ năm 2014 theo Biểu số 3-TH2014;
- Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của VCQL năm 2014 theo Biểu số 4-TH2014, Biểu số 5-TH2014;
- Văn bản của công ty thuyết minh việc tính toán, xác định quỹ tiền lương thực hiện của NLĐ, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của VCQL năm 2014 theo Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Văn bản của Kiểm soát viên về ý kiến đánh giá việc xây dựng quỹ tiền lương thực hiện của NLĐ, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của VCQL năm 2014¹.

b) Nơi nhận hồ sơ báo cáo quỹ tiền lương thực hiện 2014:

Các công ty TNHH một thành viên sau khi lập hồ sơ báo cáo quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 theo hướng dẫn tại điểm a, Mục 1 nêu trên phải gửi chủ sở hữu để giám sát, kiểm tra, thẩm định và phê duyệt theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể:

- Đối với Tổng công ty, công ty - TNHH một thành viên độc lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Phát triển nhà ở: hồ sơ gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (02 bộ, riêng doanh nghiệp hạng đặc biệt là 03 bộ), Sở Nội vụ, Cục thuế, Chi cục Tài chính doanh nghiệp, Sở quản lý chuyên ngành (mỗi cơ quan 1 bộ). Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp cùng các Sở, ngành liên quan để kiểm tra, thẩm định quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

- Đối với công ty TNHH một thành viên độc lập đã được Ủy ban nhân dân Thành phố giao cho Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện một số quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu: hồ sơ gửi Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện (đồng thời gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 01 bộ). Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để kiểm tra, thẩm định và phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 đối với các công ty được phân công quản lý.

- Đối với công ty TNHH một thành viên thuộc các Tổng công ty, công ty - TNHH một thành viên hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con: hồ sơ gửi công ty mẹ (đồng thời gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 01 bộ). Công ty mẹ chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để kiểm tra, thẩm định và phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2014

¹ Công ty có trách nhiệm gửi các báo cáo quỹ tiền lương thực hiện của NLĐ, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của VCQL năm 2014 cho Kiểm soát viên để rà soát, đánh giá độc lập theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH và Khoản 3, Điều 14 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

đối với các công ty TNHH một thành viên trực thuộc công ty mẹ.

c) Thời gian thực hiện:

Chậm nhất ngày **25/3/2015**, các công ty TNHH một thành viên có trách nhiệm gửi hồ sơ báo cáo quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 về các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố, Tổng công ty, công ty (công ty mẹ) để kiểm tra, thẩm định theo quy định.

2. Báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch của NLĐ, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của VCQL năm 2015:

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất, kinh doanh, số lao động kế hoạch năm 2015, công ty TNHH một thành viên xác định quỹ tiền lương kế hoạch của NLĐ, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của VCQL năm 2015 theo năng suất lao động và lợi nhuận kế hoạch theo hướng dẫn của Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

a) Hồ sơ báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch năm 2015 gồm có:

- Công văn của công ty về báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch năm 2015;
- Quyết định hoặc Nghị quyết của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định về 03 nội dung: (i) phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động năm 2015; (ii) phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch của NLĐ năm 2015; (iii) phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của VCQL năm 2015;
- Báo cáo kế hoạch sử dụng lao động năm 2015 theo Biểu số 1-KH2015;
- Báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch của NLĐ năm 2015 theo Biểu số 2-KH2015;
- Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch của VCQL năm 2015 theo Biểu số 3-KH2015;
- Văn bản của công ty thuyết minh việc tính toán, xác định quỹ tiền lương kế hoạch của NLĐ, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của VCQL năm 2015 theo Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Nơi nhận hồ sơ báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch năm 2015:

Các công ty TNHH một thành viên sau khi lập hồ sơ báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch năm 2015 theo hướng dẫn tại điểm a, Mục 2 nêu trên phải gửi chủ sở hữu để theo dõi, giám sát theo hướng dẫn tại Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, cụ thể:

- Đối với các Tổng công ty, công ty - TNHH một thành viên độc lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Phát triển nhà ở: hồ sơ gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (02 bộ) để theo dõi, giám sát theo quy định.

- Đối với các công ty TNHH một thành viên độc lập đã được Ủy ban nhân dân Thành phố giao Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện một số quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu: hồ sơ gửi Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện (đồng thời gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 01 bộ). Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện tiếp nhận, theo dõi, giám sát việc xác định quỹ tiền lương kế hoạch năm 2015 theo

quy định. Trường hợp phát hiện việc xác định quỹ tiền lương kế hoạch không đúng quy định thì chỉ đạo công ty điều chỉnh theo quy định (đồng thời thông tin cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để cập nhật, theo dõi).

- Đối với các công ty TNHH một thành viên thuộc các Tổng công ty, công ty - TNHH một thành viên hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con: hồ sơ gửi công ty mẹ (đồng thời gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 01 bộ). Công ty mẹ tiếp nhận, theo dõi, giám sát việc xác định quỹ tiền lương kế hoạch năm 2015 theo quy định. Trường hợp phát hiện việc xác định quỹ tiền lương kế hoạch không đúng quy định thì chỉ đạo công ty điều chỉnh theo quy định (đồng thời thông tin cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để cập nhật, theo dõi).

c) Thời gian thực hiện:

- Chậm nhất ngày **31/3/2015**, các công ty TNHH một thành viên có trách nhiệm gửi hồ sơ báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch năm 2015 về các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố, Tổng công ty, công ty (công ty mẹ) để theo dõi, giám sát theo quy định.

3. Về tạm ứng tiền lương trong năm 2015:

Căn cứ vào quỹ tiền lương kế hoạch năm 2015, tình hình sử dụng quỹ tiền lương thực hiện của năm 2014 và dự kiến mức độ thực hiện các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh trong năm 2015, công ty TNHH một thành viên tạm ứng quỹ tiền lương để trả cho người lao động. Theo đó, mức tạm ứng quỹ tiền lương do công ty TNHH quyết định như sau:

a) Công ty có kế hoạch sản xuất, kinh doanh lãi (có lợi nhuận) thì tạm ứng tối đa không vượt quá 80% quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 để trả lương cho người lao động theo quy định Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH và tạm ứng bằng 80% quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2015 để trả lương, thù lao cho viên chức quản lý theo quy định Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Quỹ tiền lương thực hiện của năm 2014 là quỹ tiền lương đã được quyết toán theo quy định của Nhà nước trong báo cáo tài chính của công ty, kể cả tiền lương tính thêm khi làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, tiền lương của những ngày nghỉ được hưởng lương theo quy định của Bộ luật Lao động và không bao gồm khoản tiền lương dự phòng từ năm 2013 chuyển sang.

b) Công ty có kế hoạch sản xuất, kinh doanh lỗ hoặc không có lợi nhuận thì chỉ được tạm ứng quỹ tiền lương tối đa bằng quỹ tiền lương tính theo lương chế độ (hệ số lương, phụ cấp lương theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2014 của Chính phủ nhân với mức lương cơ sở hiện hành).

c) Đối với trường hợp công ty mở rộng sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư mới phải tuyển dụng thêm lao động thì được tạm ứng thêm tiền lương cho số lao động mới tuyển dụng, nhưng mức tiền lương bình quân tạm ứng tối đa không vượt quá mức tiền lương bình quân tính cho NLD quy định theo hướng dẫn tại điểm a, b Mục 3 nêu trên.

Công ty TNHH một thành viên có trách nhiệm tính toán, cân đối quỹ tiền lương và các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh năm 2015 được Ủy ban nhân dân Thành phố giao để xác định mức tạm ứng đảm bảo an toàn quỹ tiền lương và thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

4. Tổ chức thực hiện:

a) Đối với công ty TNHH một thành viên:

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Tổng giám đốc, Giám đốc công ty TNHH một thành viên:

- Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn phối hợp chặt chẽ, xác định rõ các chỉ tiêu tài chính, các thông số về lao động, tiền lương theo thực tế để xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 (là chi phí tiền lương hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo quy định), quỹ tiền lương kế hoạch năm 2015 và việc tạm ứng, chi trả tiền lương cho NLĐ và VCQL doanh nghiệp trong năm 2015 phù hợp với các quy định của Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Chế độ báo cáo quỹ tiền lương thực hiện năm 2014, quỹ tiền lương kế hoạch năm 2015 đảm bảo trình tự, thời gian thực hiện theo hướng dẫn tại công văn này.

- Rà soát việc xây dựng và thực hiện công khai, đầy đủ các quy chế về quản lý lao động, tiền lương, thu nhập trong nội bộ doanh nghiệp. Trường hợp phát hiện nội dung không đúng quy định pháp luật thì phải sửa đổi, bổ sung và chấn chỉnh thực hiện theo quy định.

- Rà soát, đánh giá việc tuyển dụng, sử dụng lao động năm 2014 để xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng lao động năm 2015 đảm bảo hợp lý về số lượng, chất lượng và gắn với nhu cầu sử dụng thực tế của doanh nghiệp.

- Định kỳ rà soát, kiểm tra, chấn chỉnh việc tuyển dụng, sử dụng lao động, việc xác định quỹ tiền lương, tạm ứng tiền lương và phân phối tiền lương, tiền thưởng cho NLĐ, VCQL và việc chi trả thù lao cho người được cử làm đại diện vốn theo đúng quy định pháp luật.

- Hàng tháng, có trách nhiệm báo cáo tình hình sử dụng lao động, tiền lương theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại công văn số 4834/UBND-CNN ngày 13/9/2013 về tăng cường quản lý doanh nghiệp nhà nước. Đối với công ty được Ủy ban nhân dân Thành phố giao Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện một số quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu thì đồng thời gửi cho Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện để theo dõi, kiểm tra, giám sát theo nhiệm vụ được phân công.

b) Đối với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước, Tổng công ty, Công ty (công ty mẹ):

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở, ngành liên quan thực hiện chế độ giám sát, kiểm tra hoạt động của các công ty TNHH một thành viên theo nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 3312/QĐ-UBND ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp cùng các Sở, ngành liên quan kiểm tra, thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 theo hướng dẫn của Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội và Công văn số 6246/UBND-CNN ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về tăng cường quản lý lao động, tiền lương trong các công ty TNHH một thành viên.

- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát chế độ lao động, tiền lương, thu nhập của các doanh nghiệp được phân công, ủy quyền quản lý theo Quyết định số 4538/QĐ-UBND ngày 31/8/2012 của Ủy ban nhân

dân Thành phố phê duyệt Phương án thực hiện thí điểm chức năng đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố, Công văn số 6186/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ủy quyền thực hiện một số quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty TNHH một thành viên Dịch vụ công ích quận huyện.

- Tổng công ty, công ty (công ty mẹ) thực hiện quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu trong quản lý lao động, tiền lương, thu nhập đối với các doanh nghiệp thành viên trực thuộc theo hướng dẫn của Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Đối với Kiểm soát viên công ty TNHH một thành viên, Trưởng Ban kiểm soát tại các Quỹ:

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được phân công trong giám sát chế độ lao động, tiền lương, thu nhập trong các công ty theo quy định tại Khoản 3, Điều 14 Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH và Khoản 3, Điều 14 Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện giám sát, báo cáo định kỳ hàng tháng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại công văn số 4834/UBND-CNN ngày 13/9/2013 về tăng cường quản lý doanh nghiệp nhà nước. Đối với các công ty được Ủy ban nhân dân Thành phố giao Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, huyện thực hiện một số quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu thì đồng thời gửi cho Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước, Ủy ban nhân dân quận, huyện để theo dõi, kiểm tra, giám sát theo phân công.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Tổng công ty, công ty và Kiểm soát viên thông tin về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Phòng Lao động - Tiền lương - Tiền công), số 159 Pasteur, Quận 3, điện thoại: 38.295.900 - 38.202.634 để được hướng dẫn, xử lý kịp thời.

(Các biểu mẫu trong hồ sơ báo cáo quỹ tiền lương thực hiện năm 2014, báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch năm 2015 theo hướng dẫn tại công văn này, các đơn vị tải về từ trang điện tử của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo địa chỉ: www.sldtbxh.hochiminhcity.gov.vn (đường dẫn: Văn bản pháp luật → Lao động)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- PCT UBNDTP Lê Mạnh Hà (để báo cáo);
- Sở Nội vụ (để phối hợp);
- Sở Giao thông vận tải (để phối hợp);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (để phối hợp);
- Sở NN&PT Nông thôn (để phối hợp);
- Cục thuế (để phối hợp);
- Chi cục TCDN (để phối hợp);
- UBND quận, huyện (để phối hợp);
- GD Sở Trần Trung Dũng (để báo cáo);
- Lưu: VT; P.LĐTLTC (Cg).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Ngọc Sơn

Tên Chủ sở hữu:.....
Tên Công ty:.....

Biểu số 1-TH2014
Thời hạn báo cáo: trước ngày 25/3/2015

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2014

Đơn vị tính: người

Số TT	Chi tiêu	Lao động thực tế sử dụng bình quân năm 2013	Tình hình sử dụng lao động năm 2014					
			Tổng số lao động kế hoạch	Tổng số lao động thực tế có mặt ngày 01/01	Tổng số lao động giảm trong năm (3)	Tổng số lao động tăng trong năm	Tổng số lao động thực tế có mặt ngày 31/12	Lao động thực tế sử dụng bình quân
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Tổng số lao động:							
1	Lao động quản lý (1)							
2	Lao động chuyên môn, phục vụ							
3	Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh							
4	Lao động bổ sung							
II	Trình độ lao động (2):							
1	Đại học trở lên							
2	Cao đẳng							
3	Trung học chuyên nghiệp							
4	Sơ cấp							
5	Công nhân kỹ thuật							
6	Chưa đào tạo							

Ghi chú:

- (1) Bao gồm các Trưởng phòng (ban), Phó Trưởng phòng (ban) và tương đương theo cơ cấu tổ chức, điều lệ công ty. Không bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- (2) Ghi theo bằng cấp cao nhất đạt được.
- (3) Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu....trong năm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng... năm

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tổng Giám đốc/Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên Chủ sở hữu:.....
Tên Công ty:.....

Biểu số 2-TH2014
Thời hạn báo cáo: trước ngày 25/3/2015

GIẢI TRÌNH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2014

I. Tình hình sử dụng lao động năm 2014:

Công ty trình bày những nội dung sau:

- Đặc điểm sản xuất, kinh doanh năm 2014;
- Tình hình sử dụng lao động thực tế năm 2014 (lao động định mức, lao động thực tế, mức chênh lệch...) gắn với nhu cầu sản xuất, kinh doanh như: do nhu cầu thu hẹp hoặc mở rộng sản xuất, kinh doanh gắn với yêu cầu giảm, tăng số lượng lao động...;
- Tình hình sử dụng lao động mùa vụ và việc đảm bảo chế độ, chính sách đối với lao động mùa vụ theo quy định pháp luật lao động.

...

II. Bảng tổng hợp lao động thực tế sử dụng bình quân năm 2014:

Đơn vị tính: người

Chi tiêu	Thực hiện năm 2013		Thực hiện năm 2014	
	Lao động tham gia BHXH, BHYT	Lao động mùa vụ (tính quy đổi)	Lao động tham gia BHXH, BHYT	Lao động mùa vụ (tính quy đổi)
Tháng 1				
Tháng 2				
...				
Tháng 11				
Tháng 12				
Tổng số lao động thực tế sử dụng bình quân				
Tổng cộng				

Ghi chú:

(1) Lao động tham gia BHXH, BHYT không bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

(2) Việc xác định số lao động bình quân năm thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số I Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/9/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm....

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tổng Giám đốc/Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên Chủ sở hữu:.....
 Tên Công ty:.....

Biểu số 3-TH2014
 Thời hạn báo cáo: trước ngày 25/3/2015

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2014

Số TT	Chỉ tiêu tính đơn giá tiền lương	Đơn vị tính	Năm 2013		Năm 2014		So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	KH2014/TH2013 (%)	TH2014/TH2013 (%)
1	2	3	4	5	6	7	8=6/5	9=7/5
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH:							
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)							
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng						
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng						
4	Lợi nhuận	Tr.đồng						
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng						
II	TIỀN LƯƠNG:							
1	Lao động kế hoạch	Người						
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người						
3	Mức lương bình quân theo hợp đồng lao động	1.000đ/th						
4	Mức lương bình quân kế hoạch	1.000đ/th						
5	Mức lương bình quân thực hiện	1.000đ/th						
6	Năng suất lao động bình quân theo...(1)	Tr.đ/năm						
7	Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng						
8	Quỹ thưởng an toàn và chế độ đặc thù khác (nếu có)	Tr.đồng						
9	Quỹ lương kế hoạch	Tr.đồng						
10	Quỹ lương thực hiện	Tr.đồng						
11	Quỹ thưởng, phúc lợi trực tiếp phân phối cho người lao động	Tr.đồng						
12	Thu nhập bình quân	1.000đ/th						

Ghi chú:

(1) Ghi rõ năng suất lao động tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa có lương) hoặc tính theo tổng sản phẩm tiêu thụ.

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm
Tổng Giám đốc/Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên Chủ sở hữu:.....
 Tên Công ty:.....

Biểu số 4-TH2014
 Thời hạn báo cáo: trước ngày 25/3/2015

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN NĂM 2014

của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2013		Năm 2014		So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	KH2014/TH2013 (%)	TH2014/TH2013 (%)
1	2	3	4	5	6	7	8=6/5	9=7/5
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh:							
1	Tổng số vốn chủ sở hữu	Tr.đồng						
2	Tổng sản phẩm (kể cả sản phẩm quy đổi)							
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng						
4	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng						
5	Lợi nhuận	Tr.đồng						
6	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng						
7	Năng suất lao động bình quân (1)							
II	Tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách (2)							
1	Số viên chức quản lý chuyên trách (tính bình quân)	Người						
2	Hạng công ty được xếp	-						
3	Hệ số mức lương bình quân	-						
4	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/tháng						
5	Hệ số tăng thêm so với mức lương cơ bản (nếu có)	-						
6	Quỹ tiền lương	Tr.đồng						
7	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/tháng						
II	Thù lao của viên chức quản lý không chuyên trách (3)							
1	Số viên chức quản lý không chuyên trách (tính bình quân)	Người						
2	Tỷ lệ thù lao bình quân so với tiền lương	%						
3	Quỹ thù lao	Tr.đồng						
4	Mức thù lao bình quân	Tr.đồng/tháng						
IV	Tiền thưởng, thu nhập							
1	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng						

2	Quỹ thưởng an toàn, quỹ thưởng khác (nếu có)	1.000đ/ tháng						
3	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý chuyên trách (4)	Tr.đồng						
4	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý không chuyên trách (5)	Tr.đồng						

Ghi chú:

(1) ghi rõ năng suất lao động tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa có lương) hoặc tính theo tổng sản phẩm tiêu thụ.

(2) Viên chức quản lý chuyên trách, gồm: Chủ tịch và thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chuyên trách, Kiểm soát viên chuyên trách, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty.

(3) Viên chức quản lý không chuyên trách, gồm: Chủ tịch và thành viên không chuyên trách Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty không chuyên trách, Kiểm soát viên không chuyên trách.

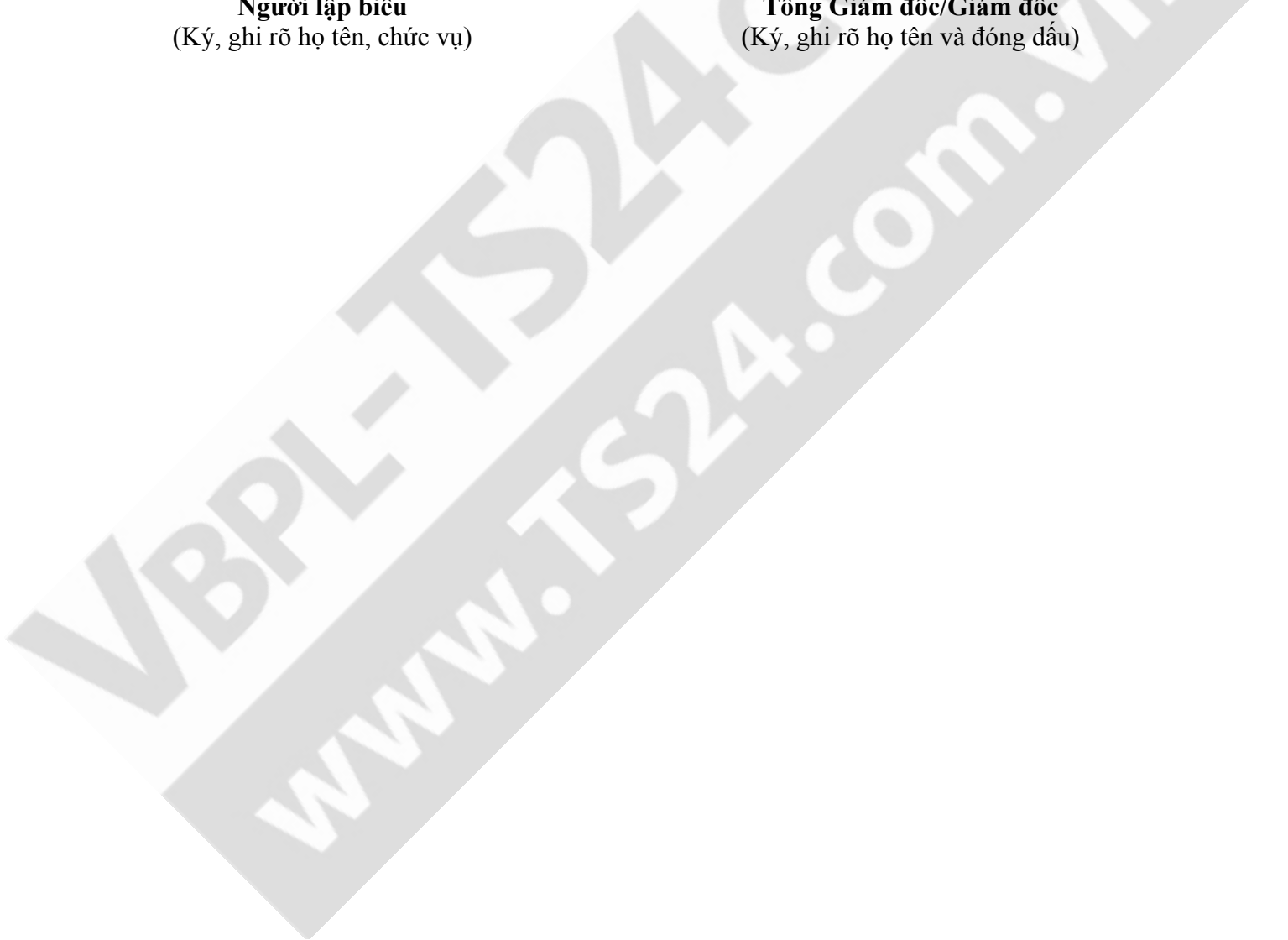
(4) Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý chuyên trách, gồm tiền lương, tiền thưởng (kể cả thưởng an toàn nếu có).

(5) Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý không chuyên trách, gồm thù lao, tiền thưởng (kể cả thưởng an toàn nếu có).

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm.....

Tổng Giám đốc/Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Tên Chủ sở
hữu:.....
Tên Công
ty:.....

Biểu số 5-TH2014
Thời hạn báo cáo: trước ngày
25/3/2015

DANH SÁCH VIÊN CHỨC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP NĂM 2014

Stt	Họ và tên	Chức vụ (ghi rõ chức vụ)		Mức lương cơ bản của thành viên chuyên trách (theo Phụ lục II của Nghị định số 51/2013/NĐ-CP)				Ghi chú
		Chuyên trách	Không chuyên trách	Thực hiện năm 2013		Thực hiện năm 2014		
				Mức lương cơ bản	Số tháng hưởng	Mức lương cơ bản	Số tháng hưởng	
1								
2								
3								
...								
	Bình quân	X	X					

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm
Tổng Giám đốc/Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên Chủ sở hữu:.....
 Tên Công ty:.....

Biểu số 1-KH2015
 Thời hạn báo cáo: trước ngày 31/3/2015

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2014
 VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2015**

Đơn vị tính: người

Chi tiêu	Tình hình sử dụng lao động năm 2014						Tổng số lao động kế hoạch năm 2015
	Tổng số lao động kế hoạch	Tổng số lao động thực tế có mặt ngày 01/01	Tổng số lao động giảm trong năm (3)	Tổng số lao động tăng trong năm	Tổng số lao động thực tế có mặt ngày 31/12	Lao động thực tế sử dụng bình quân	
1	2	3	4	5	6	7	8
I. Tổng số lao động:							
1. Lao động quản lý (1)							
2. Lao động chuyên môn, nghiệp vụ							
3. Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh							
4. Lao động thừa hành, phục vụ							
II. Trình độ lao động (2):							
1. Đại học trở lên							
2. Cao đẳng							
3. Trung học chuyên nghiệp							
4. Sơ cấp							
5. Công nhân kỹ thuật							
6. Chưa qua đào tạo							

Ghi chú:

- (1) Bao gồm các Trưởng phòng (ban), Phó Trưởng phòng (ban) và tương đương theo cơ cấu tổ chức, điều lệ của công ty. Không bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
- (2) Ghi theo bằng cấp cao nhất đạt được.
- (3) Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu..... trong năm.

Người lập biểu
 (Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tp. Hồ Chí Minh,
 ngày....tháng....năm

Tổng Giám đốc/Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên Chủ sở hữu:.....

Biểu số 2-KH2015

Tên Công ty:.....

Thời hạn báo cáo: trước ngày 31/3/2015

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG KẾ HOẠCH CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG NĂM 2015

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2014		Kế hoạch năm 2015	So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện		KH2015/ KH2014 (%)	KH2015/ TH2014 (%)
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH:						
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)						
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng					
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng					
4	Lợi nhuận	Tr.đồng					
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng					
II	TIỀN LƯƠNG:						
1	Lao động kế hoạch	Người					
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người					
3	Mức lương bình quân theo hợp đồng lao động	1.000đ/tháng					
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	1.000đ/tháng					
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	1.000đ/tháng					
6	Năng suất lao động bình quân theo...(1)	Tr.đồng/năm					
7	Phản chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng					
8	Quỹ thưởng an toàn và chế độ đặc thù khác (nếu có)	Tr.đồng					
9	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tr.đồng					
10	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng					
11	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng					
12	Thu nhập bình quân	1.000đ/tháng					

Ghi chú: (1) ghi rõ năng suất lao động tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa có lương) hoặc tính theo tổng sản phẩm tiêu thụ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tổng Giám đốc/Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên Chủ sở hữu:.....

Biểu số 3-KH2015

Tên Công ty:.....

Thời hạn báo cáo: trước ngày 31/3/2015

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG KẾ HOẠCH NĂM 2015

của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2014		Kế hoạch năm 2015	So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện		KH2015/ KH2014 (%)	KH2015/ TH2014 (%)
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh:						
1	Tổng số vốn chủ sở hữu	Tr.đồng					
2	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)	-					
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng					
4	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng					
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng					
6	Lợi nhuận	Tr.đồng					
7	Năng suất lao động bình quân (1)	Trđ/năm					
II	Tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách (2)						
1	Số viên chức quản lý chuyên trách (tính bình quân)	Người					
2	Hạng công ty được xếp	-					
3	Hệ số mức lương bình quân	-					
4	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/th					
5	Hệ số tăng thêm so mức lương cơ bản (nếu có)	-					
6	Quỹ tiền lương	Tr.đồng					

7	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/th					
III	Thù lao của viên chức quản lý không chuyên trách (3)						
1	Số viên chức quản lý không chuyên trách (tính bình quân)	Người					
2	Tỷ lệ thù lao bình quân so với tiền lương	%					
3	Quỹ thù lao	Tr.đồng					
4	Mức thù lao bình quân	Tr.đồng/th					
IV	Tiền thưởng, thu nhập						
1	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng					
2	Quỹ thưởng an toàn (nếu có)	Tr.đồng					
3	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý chuyên trách (4)	Tr.đồng/th					
4	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý không chuyên trách (5)	Tr.đồng					

Ghi chú:

(1) ghi rõ năng suất lao động tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa có lương) hoặc tính theo tổng sản phẩm tiêu thụ.

(2) Viên chức quản lý chuyên trách, gồm: Chủ tịch, thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chuyên trách, Kiểm soát viên chuyên trách, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

(3) Viên chức quản lý không chuyên trách, gồm: Chủ tịch và thành viên không chuyên trách Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty không chuyên trách, Kiểm soát viên không chuyên trách.

(4) Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý chuyên trách, gồm tiền lương, tiền thưởng (kể cả thưởng an toàn nếu có).

(5) Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý không chuyên trách, gồm thù lao, tiền thưởng (kể cả thưởng an toàn nếu có).

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày....tháng....năm
Tổng Giám đốc/Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)